

**TÒA ÁN NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
DÂN**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HUYỆN NINH HẢI

**TỈNH NINH
THUẬN**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Tiên và bà Trần Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 373/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim L sinh năm: 1983; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm: 1978; Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày: Bà và ông Trương Văn C tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N. Vợ chồng bà chung sống với nhau từ khi kết hôn cho đến nay tại thôn T, xã V và đã có nhà riêng.

Từ khi chung sống với nhau vào năm 2003 đến năm 2017 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do chồng bà không chung thủy, bà phát hiện ra nói chuyện với chồng thì bị đánh nhưng vì con và muốn giữ hạnh phúc gia đình nên bà đã bỏ qua. Từ năm 2017 đến nay mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, không thể hoà giải được và bà đã làm ly hôn đến Toà án 03 lần. Lần thứ nhất vào năm 2017 do ông C tiếp tục quen biết với người phụ nữ khác nên bà nộp đơn đến Toà án xin ly hôn, sau khi Toà án hoà giải, ông C cũng năn nỉ nên bà đã rút đơn cho ông C cơ hội về chung sống nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Đầu năm 2024 bà tiếp tục nộp đơn ly hôn lần thứ hai, sau khi Toà án hoà giải bà lại rút đơn nhưng do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông C thường xúc phạm, có khi còn đe dọa đánh đập bà nên bà làm đơn ly hôn lần thứ ba vào cuối năm 2024 và được Toà án thụ lý đưa ra xét xử ngày hôm nay. Sau khi Toà án thụ lý vụ án ông C có năn nỉ bà nhiều lần về chung sống, hứa sẽ thay đổi không chửi mắng, xúc phạm và cam đoan không dùng bạo lực với bà nhưng sau khi Toà án hoà giải cho vợ chồng thêm thời gian suy nghĩ thì ông C vẫn chửi, xúc phạm bà và có hành vi bạo lực đe dọa đến tính mạng của bà nên bà bỏ đi làm ăn xa cho đến nay. Hiện nay bà đã hết tình cảm với ông C, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng và không thể chung sống với nhau được nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông C để yên tâm lo làm ăn nuôi con. Việc bà quyết định ly hôn không liên quan đến người khác.

Vợ chồng bà có 04 con chung là: Trương Thị Phi Q – sinh năm 2003 hiện nay đã trên 18 tuổi và đã có chồng nên không yêu cầu giải quyết; Trương Hoàng S – sinh

ngày: 29/12/2009; Trương Thị Phi N – sinh ngày: 12/9/2012; Trương Thị Phi Y – sinh ngày: 03/02/2014. Do cháu S có yêu cầu muốn ở với ông C nên bà yêu cầu nuôi cháu Y và cháu N để cháu S cho ông C nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bà đang buôn bán hải sản, thu nhập khoảng 11 – 20 triệu đồng/tháng còn ông C chở cá thuê thu nhập khoảng 10 -15 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện lo cho các con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Văn C trình bày:
Nội dung trình bày của bà L là đúng, trước đây vợ ông đã hai lần nộp đơn ly hôn đến Tòa án và đều được hoà giải đoàn tụ. Đây là lần thứ ba vợ ông nộp đơn ly hôn, mấy năm nay ông không đánh vợ, khi tức giận không kiềm chế được ông chỉ dọa vợ chứ không cố ý để gây tổn thương cho vợ. Hiện nay ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, mong bà L suy nghĩ lại về chung sống với cha con ông, ông cam đoan sau này sẽ không có hành vi bạo lực đe dọa vợ cũng không nghi ngờ vợ. Các con chung muốn ở với ai thì người đó sẽ nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Bùi Thị Kim L và ông Trương Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể hòa giải được với nhau về tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L và giao các con chung chưa thành niên là cháu N và cháu Y cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu S cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Bùi Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Văn C, yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bị đơn có nơi cư trú ở huyện N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim L và ông Trương Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 10/02/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ, không tin tưởng được với nhau trong cuộc sống, ông C đôi khi có lời nói xúc phạm và đe dọa có hành vi bạo lực với bà L, từ sau khi được Tòa án hoà giải và cho thêm thời gian để hoà giải đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Tại phiên toà bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông C. Bị đơn là ông Trương Văn C dù được tạo điều kiện về thời gian để thay đổi và hoà giải với bà L nhưng vẫn xúc phạm vợ và có hành vi đe dọa gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, thân thể bà L cho thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn.

Chính quyền địa phương nơi bà L, ông C đăng ký thường trú (Ban Q1) xác nhận vợ chồng ông C – bà L chung sống có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà ông C – bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L được ly hôn với ông C.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông C – bà L có 04 con chung là: Trương Thị Phi Q – sinh năm 2003 hiện nay đã trên 18 tuổi đã và có gia đình riêng nên không xem xét; các cháu Trương Hoàng S – sinh năm: 29/12/2009; Trương Thị Phi N – sinh năm: 12/9/2012; Trương Thị Phi Y – sinh năm: 03/02/2014 chưa thành niên, trong đó cháu N và cháu Y nguyện vọng được ở với bà L còn cháu S có nguyện vọng ở với ông C. Xét điều kiện kinh tế, chỗ ở và chăm sóc con thì bà L và ông C đều có

đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao các con chung chưa thành niên là cháu N và cháu Y cho bà L có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu S cho ông C có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển bình thường cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L, ông C không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L đối với bị đơn ông Trương Văn C.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim L được ly hôn với ông Trương Văn C.

2. Về con chung: Bà Bùi Thị Kim L có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên là Trương Thị Phi N – sinh ngày: 12/9/2012 và Trương Thị Phi Y – sinh ngày: 03/02/2014; Ông Trương Văn C có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung chưa thành niên là Trương Hoàng S – sinh ngày: 29/12/2009.

Ông Trương Văn C, bà Bùi Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L, ông C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003894 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bà Bùi Thị Kim L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn - quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2025).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- UBND xã, thị trấn nơi đăng ký kết hôn;;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

